

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG
TOÀN THỊNH PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

đã được soát xét

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302602811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2003.

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 06 tháng 01 năm 2012, Công ty đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 1, Số 130, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Phú Kiệt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Huy	Phó chủ tịch Thường trực
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó chủ tịch
Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Mẫn	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Chương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Mỹ Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Thanh Việt	Trưởng ban
Ông Lê Quốc Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tại ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2012

T.M. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Mẫn

Số: 017/2012/BC.SXTC-AA

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát được lập ngày 10 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0357/KTV
Tp.HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Hữu Trí
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0476/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		361.469.619.549	413.648.568.064
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	59.297.777.100	13.069.792.178
111	1. Tiền		19.297.777.100	13.069.792.178
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	75.825.000.000	180.825.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		75.825.000.000	180.825.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		198.282.342.318	180.009.955.823
131	1. Phải thu của khách hàng		83.710.738.087	89.403.540.272
132	2. Trả trước cho người bán		9.848.232.172	2.623.544.438
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		2.045.681.593	2.045.681.593
135	5. Các khoản phải thu khác	5	102.677.690.466	85.937.189.520
140	IV. Hàng tồn kho	6	7.298.398.305	5.815.214.556
141	1. Hàng tồn kho		7.298.398.305	5.815.214.556
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.766.101.826	33.928.605.507
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		987.598.469	640.324.557
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.705.548.960	20.008.042.671
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.450.655.086	307.879.481
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	8.622.299.311	12.972.358.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.056.440.319.765	892.646.453.157
220	II. Tài sản cố định		594.657.926.978	455.520.350.743
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	27.576.312.467	28.170.472.159
222	- Nguyên giá		36.276.750.028	35.567.040.714
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.700.437.561)	(7.396.568.555)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	40.856.712.485	40.859.020.861
228	- Nguyên giá		40.901.337.845	40.901.337.845
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.625.360)	(42.316.984)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	526.224.902.026	386.490.857.723
240	III. Bất động sản đầu tư	12	29.677.212.636	24.457.589.234
241	- Nguyên giá		31.705.138.415	26.105.138.415
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.027.925.779)	(1.647.549.181)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT

Báo cáo tài chính

Tầng 1, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	404.086.436.317	384.293.874.736
251	1. Đầu tư vào công ty con		320.687.323.610	289.585.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		41.769.874.736	42.882.073.736
258	3. Đầu tư dài hạn khác		41.629.237.971	51.826.801.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		28.018.743.834	28.374.638.444
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	27.681.043.834	28.036.938.444
268	3. Tài sản dài hạn khác		337.700.000	337.700.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.417.909.939.314	1.306.295.021.221

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		995.845.102.000	892.028.947.160
310	I. Nợ ngắn hạn		435.452.604.521	524.003.967.333
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	45.563.929.203	116.969.763.922
312	2. Phải trả người bán		23.236.101.628	162.979.929.522
313	3. Người mua trả tiền trước		116.733.960.808	86.283.571.188
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	43.200.778.859	54.625.984.892
315	5. Phải trả người lao động		-	1.761.047.746
316	6. Chi phí phải trả	17	11.016.666.667	39.416.666.667
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		3.144.920.946	3.144.920.946
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	198.580.380.751	63.908.109.082
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(6.024.134.341)	(5.086.026.632)
330	II. Nợ dài hạn		560.392.497.479	368.024.979.827
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	560.392.497.479	368.000.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	24.979.827
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		422.064.837.314	414.266.074.061
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	422.064.837.314	414.266.074.061
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		396.741.270.000	344.996.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.739.072.000	42.236.842.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		(980.000.000)	(980.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		(5.331.011.199)	(5.762.561.984)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.895.506.513	33.775.714.045
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.417.909.939.314	1.306.295.021.221

Người lập

Kế toán trưởng

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Hà Bảo An

Nguyễn Phú Hoà



Nguyễn Ngọc Mẫn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	55.741.419.784	92.037.284.132
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.265.858.182	1.301.898.182
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	54.475.561.602	90.735.385.950
11	4. Giá vốn hàng bán	24	49.608.503.066	84.978.412.953
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.867.058.536	5.756.972.997
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	30.406.871.925	35.002.579.626
22	7. Chi phí tài chính	26	18.012.524.782	36.293.611.210
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.247.467.920	36.290.851.210
24	8. Chi phí bán hàng		32.464.041	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.276.566.343	3.735.247.860
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		8.952.375.295	730.693.553
31	11. Thu nhập khác	27	878.454.861	194.590.740
32	12. Chi phí khác	28	1.022.548.320	-
40	13. Lợi nhuận khác		(144.093.459)	194.590.740
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.808.281.836	925.284.293
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	144.554.828	346.049.511
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.663.727.008	579.234.782

Người lập

Kế toán trưởng

áp, ngày 16 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Hà Bảo An

Nguyễn Phú Hoà

Nguyễn Ngọc Mẫn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.808.281.836	68.154.604.525
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.803.078.470	2.370.891.388
03	Các khoản dự phòng		-	(54.587.112.844)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.388.443.630)	(45.262.052.372)
06	Chi phí lãi vay		17.247.467.920	57.535.069.735
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.470.384.596	28.211.400.432
09	Tăng các khoản phải thu		(2.791.783.379)	(8.057.437.712)
10	(Tăng)/ giảm hàng tồn kho		(1.483.183.749)	107.750.125.016
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		24.146.698.925	172.860.986.941
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		8.620.698	(27.216.973.748)
13	Tiền lãi vay đã trả		(67.830.457.014)	(59.257.291.955)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.126.037.964)	(6.751.674.221)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.800.687.464)	(8.932.097.615)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(55.406.445.351)	198.607.037.138
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(124.033.847.773)	(310.890.601.220)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		363.636.364	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(165.542.147.993)	(196.223.400.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		250.749.586.412	702.190.510.039
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.110.540.503	15.560.864.850
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.352.232.487)	210.637.373.669
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		298.819.080.355	993.922.806.008
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(177.832.417.595)	(1.391.120.650.968)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		120.986.662.760	(397.197.844.960)

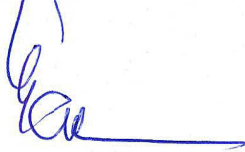
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		46.227.984.922	12.046.565.847
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.069.792.178	1.023.226.331
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>59.297.777.100</u>	<u>13.069.792.178</u>

Người lập



Hà Bảo An

Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Hoà



Lập ngày 10 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Mẫn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302602811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2003

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 06 tháng 01 năm 2012, Công ty đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 1, Số 130, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là 396.741.270.000 đồng; tương đương 39.674.127 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại Đồng Nai
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại Bình Dương

Địa chỉ

- Lầu 2, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Khu 7, Phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty

- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát
- Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ
- Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận
- Công ty TNHH Xuân Hoàng

Địa chỉ

- TP. Hồ Chí Minh
- Đồng Nai
- TP. Hồ Chí Minh
- Kiên Giang
- Kiên Giang
- Bình Thuận
- Kiên Giang

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty

- Công ty Cổ phần Toàn Việt
- Công ty Cổ phần Toàn Thịnh Phát Kiên Giang
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai

Địa chỉ

- TP. Hồ Chí Minh
- Kiên Giang
- Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà. Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu thương mại. Cho thuê kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất thủy tinh và Sản phẩm từ thủy tinh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- Hoạt động của các cơ sở thể thao.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân loại vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn đồ dùng khác cho Gia đình.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Nhà hàng các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và Gia đình khác.
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
- Vệ sinh chung nhà cửa.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự.
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình.

2 . CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính chưa được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ, vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao theo thời gian thuê đất của Công ty.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.14 .Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

- Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

2.15 .Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính khi các chi phí này đã phát sinh.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.18 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	290.962.296	432.574.309
Tiền gửi ngân hàng	19.006.814.804	12.637.217.869
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	40.000.000.000	-
	<u>59.297.777.100</u>	<u>13.069.792.178</u>

(1) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng Ngân hàng Sacombank.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	105.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	74.625.000.000	75.825.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.200.000.000	-
	<u>75.825.000.000</u>	<u>180.825.000.000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Giáo Dục Toàn Thịnh Phát	50.560.000.000	4.800.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	1.274.344.250	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	110.000.000	146.651.300
Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát	10.028.000.000	16.900.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Toàn Thành Tâm	20.720.000.000	4.477.000.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	13.270.000.000	4.940.000.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	397.205.300	37.284.316.303
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	1.970.825.523	11.414.626.735
Phải thu ủy thác đầu tư	3.008.745.969	2.852.745.969
Phải thu khác	1.338.569.424	3.121.849.213
	<u>102.677.690.466</u>	<u>85.937.189.520</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.108.188.932	3.777.707.008
Thành phẩm	2.793.804.070	1.826.711.058
Hàng hoá	396.405.303	210.796.490

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (tạm nộp 2%)	1.450.655.086	307.879.481
	<u>1.450.655.086</u>	<u>307.879.481</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	8.586.299.311	12.952.358.798
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	36.000.000	20.000.000
	<u>8.622.299.311</u>	<u>12.972.358.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT

Tầng 1, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	26.234.142.321	510.271.455	6.134.613.581	2.589.772.340	98.241.017	35.567.040.714
Số tăng trong kỳ	-	-	801.106.162	81.686.402	-	882.792.564
- Mua sắm mới	-	-	-	81.686.402	-	81.686.402
- Tăng khác	-	-	801.106.162	-	-	801.106.162
Số giảm trong kỳ	-	-	(173.083.250)	-	-	(173.083.250)
- Giảm khác	-	-	(173.083.250)	-	-	(173.083.250)
Số dư cuối kỳ	26.234.142.321	510.271.455	6.762.636.493	2.671.458.742	98.241.017	36.276.750.028
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.954.355.533	291.398.923	2.328.791.428	1.783.829.375	38.193.296	7.396.568.555
Số tăng trong kỳ	581.120.749	38.577.829	575.536.754	165.366.958	5.082.166	1.365.684.456
- Khấu hao trong kỳ	581.120.749	38.577.829	575.536.754	165.366.958	5.082.166	1.365.684.456
Số giảm trong kỳ	-	-	(61.815.450)	-	-	(61.815.450)
- Giảm khác	-	-	(61.815.450)	-	-	(61.815.450)
Số dư cuối kỳ	3.535.476.282	329.976.752	2.842.512.732	1.949.196.333	43.275.462	8.700.437.561
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	23.279.786.788	218.872.532	3.805.822.153	805.942.965	60.047.721	28.170.472.159
Số dư cuối kỳ	22.698.666.039	180.294.703	3.920.123.761	722.262.409	54.965.555	27.576.312.467

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT

Tầng 1, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính		Quyền phát hành		Bản quyền, bằng		TSCĐ vô hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu kỳ	40.856.712.485	44.625.360	-	-	-	-	-	-	-	40.901.337.845	
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	40.856.712.485	44.625.360	-	-	-	-	-	-	-	40.901.337.845	
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu kỳ	-	42.316.984	-	-	-	-	-	-	-	42.316.984	
Số tăng trong kỳ	-	2.308.376	-	-	-	-	-	-	-	2.308.376	
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	2.308.376	-	-	-	-	-	-	-	2.308.376	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	-	44.625.360	-	-	-	-	-	-	-	44.625.360	
Giá trị còn lại											
Số dư đầu kỳ	40.856.712.485	2.308.376	-	-	-	-	-	-	-	40.859.020.861	
Số dư cuối kỳ	40.856.712.485	-	-	-	-	-	-	-	-	40.856.712.485	

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	526.224.902.026	386.490.857.723
- Dự án khu du lịch Nam Bãi Trường - Phú Quốc	13.628.997.291	13.493.542.746
- Dự án biệt thự Long Bình Tân - Giai đoạn 1	-	3.178.750.066
- Dự án biệt thự Long Bình Tân - Giai đoạn 2	189.248.088.574	145.189.427.148
- Dự án biệt thự Long Bình Tân - Giai đoạn 3	31.581.125.133	23.406.665.597
- Dự án The Pegasus Plaza	283.996.105.517	200.143.336.442
- Dự án cải tạo cảnh quan ven Sông Đồng Nai - PRS	6.624.791.031	449.697.288
- Dự án trường Thoại Ngọc Hầu - Kiên Giang	479.416.551	479.416.551
- Xây dựng sân golf, sân tennis	448.662.645	-
- Các khoản khác	217.715.284	150.021.885
	526.224.902.026	386.490.857.723

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	320.687.323.610	289.585.000.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	57.875.000.000	57.875.000.000
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát	130.000.000.000	130.000.000.000
- Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	1.850.000.000	1.710.000.000
- Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	30.962.323.610	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	41.769.874.736	42.882.073.736
- Công Ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	7.087.801.000	-
- Công ty CP Toàn Thịnh Phát Kiên Giang	2.398.740.736	2.398.740.736
- Công ty CP Toàn Hải Vân	17.283.333.000	17.283.333.000
- Công ty CP Toàn Việt	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn Thương Tín	-	200.000.000
- Công ty Toàn Thành Tâm	-	8.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	41.629.237.971	51.826.801.000
	404.086.436.317	384.293.874.736

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xây dựng, bất động sản
Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục
Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	TP. Hồ Chí Minh	92,50%	92,50%	Thiết kế công trình
Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát	Kiên Giang	100,00%	100,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Toàn Hải Vân	Kiên Giang	65,00%	65,00%	Vận tải hàng hóa, du lịch, kho bãi cảng

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty cổ phần Giao thông Vận tải Đồng Nai	230.000.000	230.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	519.000.000	519.000.000
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	5.190.237.971	
Công ty cổ phần SX TM Toàn Thành Tâm	8.000.000.000	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đồng Nai	-	7.087.801.000
Cổ phiếu Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Việt Nam	13.490.000.000	13.490.000.000
Cổ phiếu Trường Đại Học Yersin	14.000.000.000	14.000.000.000
Công Ty CP Giao Dịch Hàng Hóa Sài Gòn Thương Tín (STE)	-	16.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	200.000.000	-
	41.629.237.971	51.826.801.000
14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN		
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	28.036.938.444	520.828.007
Số tăng trong kỳ	376.356.086	29.382.729.108
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(732.250.696)	(1.866.618.671)
Số dư cuối kỳ	27.681.043.834	28.036.938.444
Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phân bổ chi phí tài chính	25.633.109.708	25.633.109.708
Máy móc, công cụ quản lý chờ phân bổ	2.047.934.126	2.403.828.736
	27.681.043.834	28.036.938.444
15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	45.563.929.203	116.969.763.922
- Vay ngân hàng	45.563.929.203	116.969.763.922
	45.563.929.203	116.969.763.922
Chi tiết vay ngắn hạn		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng	45.563.929.203	116.969.763.922
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	45.563.929.203	116.969.763.922
	45.563.929.203	116.969.763.922

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	704.774.935	10.446.212
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	42.402.565.079	54.384.048.215
Thuế Thu nhập cá nhân	93.438.845	231.490.465
	43.200.778.859	54.625.984.892

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	5.016.666.667	33.416.666.667
Trích trước chi phí thầu phụ	6.000.000.000	6.000.000.000
	11.016.666.667	39.416.666.667

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	269.873.335	167.233.898
Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	195.590.000.000	63.250.000.000
Phải trả Công ty TNHH Giáo dục Toàn Thịnh Phát	1.335.332.947	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	80.545.000	80.545.000
Phải trả, phải nộp khác	1.304.629.469	4.206.333.847
	198.580.380.751	67.704.112.745

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	260.392.497.479	68.000.000.000
- Vay ngân hàng	260.392.497.479	68.000.000.000
Nợ dài hạn	300.000.000.000	300.000.000.000
- Trái phiếu phát hành	300.000.000.000	300.000.000.000
	560.392.497.479	368.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT

Tầng 1, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của Chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu kỳ này	344.996.080.000		42.236.842.000		-		(980.000.000)		(5.762.561.984)		33.775.714.045		414.266.074.061
Lãi/lỗ trong kỳ	-		-		-		-		-		8.663.727.008		8.663.727.008
Phát hành cổ phiếu thường	-		-		-		-		-		-		-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	51.745.190.000		(34.497.770.000)		-		-		-		(17.247.420.000)		-
Tăng do trích lập quỹ	-		-		-		-		440.389.003		-		440.389.003
Trả cổ tức trong kỳ	-		-		-		-		-		(2.384.000)		(2.384.000)
Giảm do trích lập quỹ	-		-		-		-		-		(1.294.130.540)		(1.294.130.540)
Giảm khác	-		-		-		-		(8.838.218)		-		(8.838.218)
Số dư cuối kỳ này	396.741.270.000		7.739.072.000		-		(980.000.000)		(5.331.011.199)		23.895.506.513		422.064.837.314

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các cổ đông	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND		VND		
	396.741.270.000		344.996.080.000		100,00%
	396.741.270.000		344.996.080.000		100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	396.741.270.000	344.996.080.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	344.996.080.000	300.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	51.745.190.000	44.996.080.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	396.741.270.000	344.996.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.249.804.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	17.249.804.000	-

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.674.127	34.499.608
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.674.127	34.499.608
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.674.127	34.499.608
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.674.127	34.499.608
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.674.127	34.499.608
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Quỹ đầu tư phát triển	(980.000.000)	(980.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	(5.331.011.199)	(5.762.561.984)
	(6.311.011.199)	(6.742.561.984)

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán bất động sản	3.683.134.546	13.072.266.835
Doanh thu cho thuê	3.947.536.051	1.074.222.270
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	46.307.168.829	74.803.419.005
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.392.547	3.083.557.840
Doanh thu bán hàng	1.675.187.811	3.818.182
	55.741.419.784	92.037.284.132

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Hàng bán bị trả lại	1.265.858.182	1.301.898.182
	1.265.858.182	1.301.898.182

23 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	2.417.276.364	11.770.368.653
Doanh thu cho thuê	3.947.536.051	1.074.222.270
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	46.307.168.829	74.803.419.005
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.392.547	3.083.557.840
Doanh thu bán hàng	1.675.187.811	3.818.182
	54.475.561.602	90.735.385.950

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn bán bất động sản	1.839.057.054	8.239.258.057
Giá vốn cho thuê	572.914.357	547.970.550
Giá vốn từ các hợp đồng xây dựng	45.757.773.639	74.171.993.315
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.928.290	2.019.191.031
Giá vốn bán hàng	1.431.829.726	-
	49.608.503.066	84.978.412.953

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.390.859.560	214.252.181
Lãi cho vay	11.382.729.737	22.040.277.776
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	9.176.370.499	-
Cổ tức	8.307.776.729	12.572.760.600
Các khoản khác	149.135.400	175.289.069
	30.406.871.925	35.002.579.626

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.247.467.920	36.177.716.889
Lỗ kinh doanh chứng khoán	742.318.940	-
Chi phí tài chính khác	22.737.922	115.894.321
	18.012.524.782	36.293.611.210

27 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	363.636.364	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	508.246.419	164.186.400
Thu nhập khác	6.572.078	30.404.340
	878.454.861	194.590.740

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	111.267.800	-
Chi phí khác	911.280.520	-
	1.022.548.320	-

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.808.281.836
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.153.141.115)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.154.635.614
+ Điều chỉnh khoản lỗ của công ty con	1.154.635.614
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.307.776.729)
+ Thu thập lãi cổ tức	(8.307.776.729)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	1.655.140.721
Lỗ tính thuế mang sang	(1.076.921.411)
Tổng lợi nhuận tính thuế	578.219.310
Thu nhập kinh doanh bất động sản	578.219.310
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	144.554.828
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	144.554.828
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	54.384.048.215
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(12.126.037.964)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	42.402.565.079

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.297.777.100	-	13.069.792.178	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	186.388.428.553	-	175.340.729.792	-
Các khoản cho vay	74.625.000.000	-	180.825.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	1.200.000.000	-	180.825.000.000	-
Đầu tư dài hạn	41.629.237.971	-	51.826.801.000	-
	363.140.443.624	-	601.887.322.970	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	605.956.426.682	484.969.763.922
Phải trả người bán, phải trả khác	221.816.482.379	226.888.038.604
Chi phí phải trả	11.016.666.667	39.416.666.667
	838.789.575.728	751.274.469.193

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	305.956.426.682	300.000.000.000	-	605.956.426.682
Phải trả người bán, phải trả khác	221.816.482.379	-	-	221.816.482.379
Chi phí phải trả	11.016.666.667	-	-	11.016.666.667
	<u>538.789.575.728</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>838.789.575.728</u>
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	184.969.763.922	300.000.000.000	-	484.969.763.922
Phải trả người bán, phải trả khác	226.888.038.604	-	-	226.888.038.604
Chi phí phải trả	39.416.666.667	-	-	39.416.666.667
	<u>451.274.469.193</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>751.274.469.193</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Điều 4 của Nghị Quyết số 01/2012/NQ-DHĐCĐ-TTP ngày 23/04/2012 của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 499.931.850.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét đơn vị đã nộp hồ sơ xin tăng vốn lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u> VND
Góp vốn vào công ty		
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	30.962.323.610
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Công ty liên kết	7.087.801.000
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	1.378.162.526
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	Công ty con	318.146.400
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	93.112.858.300
Cho vay vốn		
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	11.697.205.300
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	10.674.632
- Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	Công ty con	1.250.000.000
- Công ty TNHH CP Toàn Hải Vân	Công ty con	8.430.000.000
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát	Công ty con	104.601.666.666
- Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát	Công ty con	28.053.000.000
Đi vay vốn		
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	45.201.159.685
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	152.618.476.306
Lãi cho vay vốn		
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cùng thành viên chủ chốt	7.228.467.708

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2012</u>
Phải thu tiền hàng		
- Công ty CP Tư vấn XD Đồng Nai	Công ty liên kết	2.833.531.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	184.878.374
- Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	Công ty con	112.522.500
Phải thu vốn cho vay		
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	397.205.500
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	110.000.000
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát	Công ty con	50.560.000.000
- Công ty TNHH CP Toàn Hải Vân	Công ty con	13.120.000.000
- Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	Công ty con	950.000.000
- Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát	Công ty con	10.028.000.000
Phải thu lãi cho vay		
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cùng thành viên chủ chốt	1.970.825.523
Phải trả tiền hàng		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	4.684.508.898
Phải trả khác		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Công ty con	195.590.000.000



33 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 chưa được soát xét.

Người lập

Hà Bảo An

Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Hoà



Làm ngày 10 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Mẫn